

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 11 năm 2018

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	
Số: 470/BC-SNN	
ĐẾN	Số: 11537
	Ngày: 20/11/2018
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện cải cách hành chính năm 2018

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2018.

Căn cứ Kế hoạch số 12/KH-SNN ngày 23/01/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về thực hiện cải cách hành chính năm 2018.

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính năm 2018.

I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo điều hành CCHC

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về CCHC của tỉnh

a. Các nhiệm vụ được giao (tại Kế hoạch số 145/KH-UBND giao cho các sở, ngành chủ trì)

Nhiệm vụ 1: Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Nhiệm vụ 2: Xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Nhiệm vụ 3: Sắp xếp tổ chức và ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

Nhiệm vụ 4: Rà soát, xây dựng quy hoạch mạng lưới đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực ngành.

b. Báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao

Nhiệm vụ 1: Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu trình UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 Nghị quyết: Số 05/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018; số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018; số 12/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018; và trình UBND tỉnh 01 quyết định (Tờ trình số 244/TTr-SNN, UBND tỉnh chưa ban hành), đạt 100% KH.

Nhiệm vụ 2: Sở Nông nghiệp và PTNT không có TTHC thực hiện cơ chế một cửa liên thông.

Nhiệm vụ 3:

- Đã xây dựng Đề án số 02/ĐA-SNN ngày 23/10/2018 Sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của BCH Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng. Số tổ chức hiện tại là 13 đơn vị với 104 đầu mối, dự kiến sắp xếp lại là 13 đơn vị với 61 đầu mối, giảm 43 đầu mối.

- Đã xây dựng đề án thành lập Trung tâm Giống nông nghiệp trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Giống vật nuôi và Trung tâm Giống cây trồng.

Nhiệm vụ 4:

+ Đã xây dựng Đề án Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Nội vụ và Sở Tài chính xem xét (Công văn số 2312/SNN-TCCB ngày 25/12/2017).

+ Đã trình Sở Tài chính, Sở Nội vụ về Xây dựng mục sự nghiệp công sử dụng vốn ngân sách nhà nước các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (Công văn trình 2449/SNN-TCCB ngày 29/12/2017).

Tuy nhiên, chưa có ý kiến của các sở, ngành do đợi phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức, bộ máy của Sở.

3. Kết quả thực hiện công tác CCHC tại Sở Nông nghiệp và PTNT

a. Các nội dung đã ban hành:

- Kế hoạch số 09/KH-SNN ngày 10/01/2018 Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT, dự kiến đơn giản hóa 02 thủ tục hành chính.

- Kế hoạch số 12/KH-SNN ngày 23/01/2018 về thực hiện cải cách hành chính năm 2018 để tổ chức thực hiện, gồm có 21 nhiệm vụ.

- Báo cáo số 28/BC-SNN ngày 26/01/2018 Kết quả triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 năm 2017 và Kế hoạch thực hiện năm 2018.

- Kế hoạch số 16/KH-SNN ngày 29/01/2018 Phát động phong trào thi đua thực hiện CCHC năm 2018.

- Kế hoạch số 22/KH-SNN ngày 27/02/2018 Triển khai thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, gồm 10 nội dung.

- Kế hoạch số 27/KH-SNN ngày 06/3/2018 thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng, gồm 04 nội dung thực hiện.

- Kế hoạch số 31/KH-SNN ngày 14/3/2018 Tuyên truyền CCHC năm 2018, gồm 13 nội dung và nội dung thành phần.

- Kế hoạch số 32/KH-SNN ngày 16/3/2018 Kiểm tra công tác CCHC và công tác nội vụ năm 2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT, trong năm kiểm tra 10/19 đơn vị, phòng chức năng.

- Kế hoạch số 34/KH-SNN ngày 22/3/2018 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT năm 2018.

- Kế hoạch số 35/KH-SNN ngày 26/3/2018 Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2018, gồm 05 nội dung.

b. Kết quả thực hiện

- Kế hoạch số 09/KH-SNN: Đã rà soát, đánh giá, tham mưu UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC đối với 02 thủ tục thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật (Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 17/8/2018), đạt 100% KH.

- Kế hoạch số 12/KH-SNN: Đã và đang triển khai thực hiện đạt 20/KH 21 nhiệm vụ đề ra.

Nhiệm vụ không thực hiện là không ban hành lại Quy chế hoạt động của Bộ phận một cửa. Ngay từ đầu năm, Văn phòng Sở đã tham mưu soạn thảo cơ bản xong, tuy nhiên chưa ban hành lại. Lý do, ngay từ tháng 4/2018 Tỉnh đã dự kiến thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh. Hơn nữa, một số nội dung theo Quyết định 22/2016/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Sở Nông nghiệp và PTNT đã đưa vào quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, do vậy thấy không cần thiết để ban hành lại.

- Kế hoạch thực hiện tiêu chuẩn ISO 9001 theo Kế hoạch ban hành kèm Báo cáo số 28/BC-SNN: Đã thực hiện đảm bảo tất cả các nội dung đề ra, đã ban hành lại toàn bộ hệ thống tài liệu chuyển đổi sang phiên bản 2015 và áp dụng từ ngày 14/9/2018, tổ chức đánh giá nội bộ lần 2 vào ngày 26-27/11/2018, sau đó công bố hệ thống trước ngày 30/11/2018 theo chỉ đạo của Ban ISO tỉnh.

- Kế hoạch số 16/KH-SNN: Thực hiện chấm điểm Chỉ số CCHC các đơn vị trực thuộc, các đơn vị cũng đã phát động phong trào thi đua ở đơn vị mình. Tuy nhiên, chưa xây dựng được tiêu chí xếp loại, đánh giá cá nhân, tổ chức gắn với việc thực hiện CCHC.

- Kế hoạch số 22/KH-SNN: Đã và đang thực hiện đạt 10/KH 10 nội dung.

- Kế hoạch số 27/KH-SNN: Thực hiện đạt 04/ KH 04 nội dung, và có Báo cáo số 383/BC-SNN ngày 04/10/2018 về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 báo cáo Sở Tư pháp.

- Kế hoạch số 31/KH-SNN: Đã và đang thực hiện đạt 13/KH 13 nội dung và nội dung thành phần.

- Kế hoạch số 32/KH-SNN: Đã thực hiện kiểm tra 10/ KH 10 đơn vị, phòng chức năng.

- Kế hoạch số 34/KH-SNN: Đã tiến hành rà soát 28 văn bản do HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp để tổng hợp, báo cáo về trên theo quy định.

- Kế hoạch số 35/KH-SNN: Đã và đang thực hiện đạt 05/ KH 05 nội dung.

II. Kết quả chủ yếu đạt được

1. Kết quả thực hiện CCHC chung của tỉnh

- **Thực hiện việc phân cấp quản lý:** Đã Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp quản lý nhà nước trong 02 lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT. Cụ thể:

a) Lĩnh vực an toàn thực phẩm:

a1) Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 về việc phân công nhiệm vụ kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này để triển khai thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Kết quả thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chủ trì phối hợp với các đơn vị của ngành Nông nghiệp thực hiện việc kiểm tra đối với cơ sở do tỉnh quản lý; các địa phương (Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện tham mưu) kiểm tra các cơ sở do địa phương quản lý. Kết quả năm 2016 tỉnh và huyện đã tiến hành trên **1.401** cơ sở, trong đó, **464** cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và **935** cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp được kiểm tra, xếp loại theo quy định. Kết quả kiểm tra, xếp loại đã được báo cáo về Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản và đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Năm 2018, Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng Kế hoạch số 65/KH-SNN ngày 10/10/2018 triển khai công tác giám sát việc thực hiện Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT, kiểm tra 11 huyện, thị, thành phố. Đến nay đã kiểm tra xong ở 11 huyện, thị, thành phố, đang tổng hợp, đánh giá kết quả kiểm tra.

- Phối hợp các đơn vị có liên quan, các huyện, thị, thành phố thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng về công tác quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản gửi Trung ương và các đơn vị có liên quan trong tỉnh.

a2) Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 về việc phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Quyết định này nhằm triển khai thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai Quyết định số 945/QĐ-UBND đến các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan để thực hiện. (Công văn số 1007/SNN-CCQLCL ngày 25/5/2018).

- Tổ chức Hội nghị sơ kết công tác quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, vào ngày 26/7/2018, nhằm đánh giá kết quả thực hiện công tác này trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp các đơn vị có liên quan, các huyện, thị, thành phố thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng về công tác quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản gửi Trung ương và các đơn vị có liên quan trong tỉnh.

b) Lĩnh vực thủy lợi:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 quy định phân cấp quản lý, khai thác, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; và phối hợp với các địa phương thực hiện việc quản lý và báo cáo theo quy định.

Quyết định này để triển khai thực hiện Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của Sở.

a. Báo cáo thông tin

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Lương Minh Quyết	Giám đốc	ĐT: 0913.109.553 Email: lmquyet@soctrang.gov.vn
2	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Lê Thị Kim Nhung	Phó Chánh Văn phòng	ĐT: 0946.155.778 Email: ltknhung@socstrang.gov.vn
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Lâm Nhu An	Công chức Văn phòng	ĐT: 0937.660.993 Email: lnan2@soctrang.gov.vn
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Nguyễn Kim Thanh	Công chức Văn phòng	ĐT: 0939.848.768 Email: nkthanh@soctrang.gov.vn

b. Tóm tắt kết quả nổi bật

b.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Đã tham mưu trình UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua 03 Nghị quyết: Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018, Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018, và Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018.

- Đã kiểm tra 03 văn bản QPPL: Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018, Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018, Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018. Không phát hiện văn bản trái pháp luật.

b.2. Cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-SNN ngày 10/01/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về rà soát, đánh giá TTHC. Kết quả đã tham mưu UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC đối với 02 thủ tục thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật (Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 17/8/2018).

- Đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 07 quyết định công bố mới, sửa đổi, hủy bỏ TTHC, trong đó công bố mới 06 TTHC; sửa đổi, bổ sung 05 TTHC; hủy bỏ 05 TTHC. Tổng số TTHC hiện có là 97, đã niêm yết công khai và đăng lên cổng thông tin, chương trình một cửa điện tử của tỉnh.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 03 quyết định TTHC cấp huyện và xã. Qua đó, công bố mới 03 TTHC cấp xã; hủy bỏ 01 TTHC cấp huyện và hủy bỏ 03 TTHC cấp xã.

- Đã tham mưu trình UBND tỉnh công bố 93/tổng số 97 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh (Quyết định 2926/QĐ-UBND ngày 05/11/2018).

- Số lượng TTHC được thực hiện tại Bộ phận một cửa và trả kết quả hiện nay là 97/97 TTHC.

Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong kỳ báo cáo là 9.602 hồ sơ. Kết quả đã giải quyết TTHC: Số hồ sơ đã giải quyết 9.591 hồ sơ (trong đó: số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 9.590 hồ sơ, trễ hạn 01 hồ sơ), còn 11 hồ sơ đang giải quyết (còn trong hạn). Trong đó có 28 hồ sơ đơn vị nhận hồ sơ, Bru điện trả kết quả; và 05 hồ sơ Bru điện nhận hồ sơ, đơn vị trả kết quả.

b.3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Đã xây dựng Đề án số 02/ĐA-SNN ngày 23/10/2018 Sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của BCH Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng. Số tổ chức hiện tại là 13 đơn vị với 104 đầu mối, dự kiến sắp xếp lại là 13 đơn vị với 61 đầu mối, giảm 43 đầu mối.

- Đã xây dựng đề án thành lập Trung tâm Giống nông nghiệp trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Giống vật nuôi và Trung tâm Giống cây trồng.

- Thành lập Ban Quản lý Dự án phát triển cây ăn trái của tỉnh.

b.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

- Rà soát, bổ sung quy hoạch công chức, viên chức lãnh đạo quản lý giai đoạn 2016-2021.

- Hoàn thành việc tuyển viên chức năm 2018, có 27 viên chức trúng tuyển/KH tuyển 28 viên chức.

b.6. Cải cách tài chính công

Cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 117/2013/NĐ-CP.

Các đơn vị sự nghiệp tiếp tục thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ. Trong quý IV năm 2018, có 05 đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Khuyến

nông, Trung tâm Giống vật nuôi, Trung tâm Nước sạch và VSMTNT, Ban Quản lý Cảng cá Trần Đề) và 02 Chi cục có 01 phần vốn sự nghiệp (Chi cục Trồng trọt và BVTV, Chi cục Chăn nuôi và Thú y)/tổng số 07 đơn vị của ngành đã xây dựng dự toán kinh phí tự chủ giai đoạn 2018-2021, đang gửi Sở Tài chính và Sở Nội vụ xem xét có ý kiến đề trình UBND tỉnh phê duyệt.

b.7. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

- Xây dựng Kế hoạch số 35/KH-SNN ngày 26/3/2018 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở nông nghiệp và PTNT năm 2018, gồm 05 nội dung thực hiện. Đến nay đã và đang triển khai thực hiện 05/05 nội dung.

- Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 tại cơ quan Sở và 07 chi cục quản lý nhà nước trực thuộc. Đã hoàn thành việc soạn thảo và ban hành bộ tài liệu áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 áp dụng từ ngày 14/9/2018, tổ chức đánh giá đợt 2 năm 2018 và công bố hệ thống phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

b.8. Tình hình thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 71/KH-SNN ngày 25/11/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Lồng ghép việc thực hiện 02 Chỉ thị vào Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và PTNT (Quyết định số 1046/QĐ-SNN ngày 25/10/2017 về việc Ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng). Đồng thời, trong các buổi kiểm tra công tác cải cách hành chính, đã nhắc nhở các đơn vị cập nhật bổ sung việc thực hiện các Chỉ thị trên vào Quy chế làm việc của đơn vị mình.

- Ban hành Công văn (số 272/SNN-VP ngày 22/02/2018) phân tích về kết quả thực hiện Bản cam kết và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh, năm 2017 đến các đơn vị, phòng chức năng để chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót và chỉ đạo thực hiện tốt trong thời gian tới.

- Ban hành Công văn số 170/SNN-VP ngày 31/01/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thực hiện nghiêm Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh, để thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 433/VP-TH ngày 30/01/2018 của Văn phòng UBND tỉnh.

- Tiếp tục triển khai, quán triệt đến lãnh đạo đơn vị, phòng chức năng trong cuộc họp tổng kết công tác cải cách hành chính, tình hình áp dụng tiêu chuẩn ISO năm 2017; và triển khai đến công chức, viên chức trong ngày tuyên truyền, phổ biến pháp luật: Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 1548/SNN-VP ngày 11/9/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương của đơn vị hành chính nhà nước và các văn bản, quyết định về thực hiện CCHC.

- Tiếp tục lồng ghép việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 và Chỉ thị số 26/CT-TTg trong việc đăng ký chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với Đảng viên và toàn thể đoàn viên công đoàn, trong năm 2018.

- Việc xây dựng các mục tiêu thực hiện tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 những năm qua và năm 2018 đều có sự lồng ghép theo tinh thần của 02 Chỉ thị trên và Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 18/9/2017 của UBND tỉnh.

- Thường xuyên nhắc nhở lãnh đạo đơn vị, phòng chức năng trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, họp định kỳ tháng, quý, họp chi bộ trong việc chỉ đạo, kiểm tra công chức, viên chức trong việc chấp hành nghiêm 02 Chỉ thị nêu trên và trong việc thực hiện tốt, kịp thời các văn bản kết luận, chỉ đạo, các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao.

- Trong kỳ không có phát sinh phản ánh, kiến nghị liên quan đến công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính, cũng như giải quyết công việc của Sở. Công chức, viên chức bộ phận một cửa hướng dẫn tận tình, chu đáo cho các cá nhân đến thực hiện TTHC.

III. Những hạn chế, khó khăn vướng mắc

- Việc thực hiện luân chuyển công chức, viên chức của ngành khó thực hiện, do công chức, viên chức được bố trí theo đề án vị trí việc làm có quy định về tiêu chuẩn, chuyên môn, do đó trong 01 đơn vị khó thực hiện được. Việc luân chuyển giữa các đơn vị có thể thực hiện được nhưng cần thời gian để tiếp cận công việc mới, trong khi áp lực công việc hiện nay là rất cao.

- Tuy Sở đã công bố 17 thủ tục hành chính thực hiện ở mức độ 3, nhưng chưa phát sinh hồ sơ, hơn nữa chưa tạo được các mẫu điện tử tương tác (e-Form) theo Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

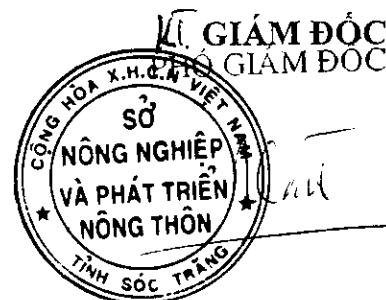
IV. Kiến nghị

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ tạo mẫu điện tử tương tác (e-Form) theo quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính năm 2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng. / (L.l)

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- BGD (để b/c);
- Các ĐV, phòng CN;
- Lưu: VT, VP.



Huỳnh Ngọc Vân



Biểu mẫu 1B

Biểu mẫu số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính
Sở Nông nghiệp và PTNT

Báo cáo số A71/BC-SNN, ngày 19 /11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/ cấp huyện			
1	Kiểm tra công tác CCHC	2	8	5	Chưa tới kỳ báo cáo	-
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước (KH số 65/KH-SNN)	0	11		Đang tổng hợp, đánh giá	
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	0	7	-	-	-
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	2	8	-	-	-
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	2	8	-	-	-



Biểu mẫu 2B

Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-SNN, ngày 19/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	3	- Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018. - Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018.
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	3	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	3	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	3	- Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018. - Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018.
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	Rà soát VBQPPL		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	28	Văn bản được ban hành từ năm 2014 đến 2018 theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát		Chưa đến thời hạn báo cáo
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát		Chưa đến thời hạn báo cáo
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý		Chưa đến thời hạn báo cáo



Biểu mẫu 3B

Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương
Kèm theo Báo cáo số 41/BC-SNN, ngày 19/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	KH số 09/KH-SNN ngày 10/01/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC ²	97	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử ³	97	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Không	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Không	

² UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

³ UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn



Biểu mẫu 4B

Kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT
(Kèm theo Báo cáo số 47/BC-SNN, ngày 19/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông dọc ⁵	
<i>1</i>	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh</i>	<i>97</i>	<i>9</i>	<i>9</i>		<i>97</i>	<i>0</i>			
<i>1</i>	<i>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</i>	<i>9</i>	<i>5</i>	<i>5</i>		<i>9</i>			<i>85/QĐ-UBND ngày 12/01/2018</i>	
<i>2</i>	<i>Lĩnh vực Trồng trọt</i>	<i>3</i>				<i>3</i>				
<i>3</i>	<i>Lĩnh vực chăn nuôi</i>	<i>2</i>				<i>2</i>				
<i>4</i>	<i>Lĩnh vực thú y</i>	<i>18</i>	<i>2</i>	<i>2</i>		<i>18</i>			<i>1715/QĐ-UBND</i>	

⁴ Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

⁵ Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)		Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định			Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định	Số TTHC liên thông ngang ⁴		Số TTHC liên thông dọc ⁵
									ngày 16/7/2018	
5	Lĩnh vực thủy lợi	8			8					
6	Lĩnh vực lâm nghiệp	22			22					
7	Lĩnh vực thủy sản	21	1	1	21				1703/QĐ-UBND ngày 16/7/2018	
8	Lĩnh vực quản lý chất lượng NLS&TS	7			7					
9	Lĩnh vực chế biến nông lâm sản và nghề muối	3			3					
10	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT	3			3					
11	Lĩnh vực Diêm nghiệp	1	1	1	1				1265/QĐ-UBND ngày 29/5/2018	



Biểu mẫu 5B

Biểu mẫu kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp Sở Nông nghiệp và PTNT

(Kèm theo Báo cáo số 471/BC-SNN, ngày 11/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn ⁶	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn ⁷	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
1	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT	9602		9602	9591	9590	1	11	11		
Tổng số		9569		9569	9591	9590	1	11	11		

01 hồ sơ trễ hạn thủ tục Xác nhận đơn đăng ký hội thảo phân bón bị trễ hạn là do thủ tục có thời hạn giải quyết 01 ngày, và đây là hồ sơ đầu tiên cơ quan Sở tiếp nhận (Sau khi được chuyển giao từ Sở Công thương theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ), công chức còn chưa hiểu rõ cần trao đổi với đơn vị quản lý chuyên ngành (Chi cục TT-BVTV).

⁶ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

⁷ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn



Biểu mẫu 6B

Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại Sở Nông nghiệp và PTNT
 (Kèm theo Báo cáo số 471 /BC-SNN, ngày 14/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc ⁸		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁹		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ¹⁰		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹¹			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹²					
I	Cộng	87		4	1	4		47		47		502	-13	1	1	
1	Cơ quan Sở NN-PTNT	6		4	1	4		14		14		51	-2	1	1	
2	12 đơn vị trực thuộc	81						33	-2	33		451	-11	0	0	

⁸ Nêu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

⁹ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹⁰ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹¹ Nêu rõ thiếu chuẩn nào

¹² Nêu rõ thiếu chuẩn nào



Biểu mẫu 7B

Thông kê số liệu về CBCCVC tại từng sở ban ngành, UBND cấp huyện

Kèm theo Báo cáo số 471/BC-SNN, ngày 16/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng ¹³ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC ¹⁴	Năng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HĐ chuyên môn		Đào tạo ¹⁵	Bồi dưỡng nghiệp vụ ¹⁶	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ¹⁷	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ¹⁸		TX ¹⁹	TH ²⁰
I	Các cơ quan tỉnh	478		478	3	274		30	13	28	27		0	0	10	162	7
II	UBND cấp huyện																
III	UBND cấp xã ²¹																

¹³ Thông kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

¹⁴ Thông kê chi tiết tại đây

¹⁵ Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

¹⁶ Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

¹⁷ Thông kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

¹⁸ Thông kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

¹⁹ Thường xuyên

²⁰ Trước hạn

²¹ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Biểu mẫu 8B

Biểu mẫu thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ tại các đơn vị, địa phương
(Kèm theo Báo cáo số 47/BC-SNN, ngày 10/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	9	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	4	Đã trình Đề án, nhưng chưa được phê duyệt
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức		
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức		
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	Tự chủ về tài chính



Biểu mẫu 9B

Số liệu về cải cách tài chính công tại sở ngành, UBND cấp huyện
(Kèm theo Báo cáo số 411 /BC-SNN, ngày 19 /11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	9		Cơ quan Sở, 07 Chi cục, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	1		Trung tâm Nước sạch và VSMTNT
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	3		Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Giống vật nuôi, Ban QL Cảng cá Trần Đề
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	1		Trung tâm Khuyến nông



Biểu mẫu 10B

Về số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện
(Kèm theo Báo cáo số 471/BC-SNN, ngày 19/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú		
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận				
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử	Tổng số		Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC
I	Sở NN-PTNT	4588			4588	17	876	875	1	0			
II	UBND cấp huyện												
III	UBND cấp xã ²²												
Tổng		4588			4588	17	876	875	1				

²² UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



Biểu mẫu 11B

Biểu số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại các đơn vị, địa phương
(Kèm theo Báo cáo số 47/BC-SNN, ngày 19/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Sở NN-PTNT</i>	95	02	05	
<i>II</i>	<i>UBND cấp huyện</i>				
<i>III</i>	<i>UBND cấp xã²³</i>				
Tổng (I) + (II) + (III)					

²³ UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



Biểu mẫu 13B

Biểu mẫu 13B về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại sở, ngành. UBND cấp huyện
(Kèm theo Báo cáo số 471 /BC-SNN, ngày 19 /11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Công bố trong quý II/2018, dự kiến công bố theo tiêu chuẩn 9001:2015 trước 30/11/2018
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	Đánh giá lần 1 trong quý II/2018, đánh giá lần 2 ngày 26-27/11/2018.
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	Sau khi đánh giá nội bộ
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	Đã xây dựng toàn bộ hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn 9001:2015 áp dụng từ ngày 14/9/2018.
5	Nội dung khác		



Biểu mẫu 14

Kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo
(Kèm theo báo cáo số 471/BC-SNN, ngày 13/11/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú ²⁴
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết ²⁵			
I	Cấp tỉnh	7	1	6	1	0	
II	Cấp huyện						
III	Cấp xã ²⁶						

²⁴ Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

²⁵ Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp

²⁶ Cấp huyện báo cáo cụ thể đối với từng xã, phường, thị trấn